



Tuần 21 (23/05-27/05/22)

BSC WEEKLY REVIEW

Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tâm lý thị trường tích cực, chờ các tín hiệu xác nhận đáy*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc*
3. PTKT VN-INDEX: *Chờ các tín hiệu xác nhận đáy*
4. TIN VĨ MÔ: *Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách đạt hơn 20.3% kế hoạch năm*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí 12.04%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Các ETF duy trì hoạt động mua ròng tích cực*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tâm lý thị trường tích cực, chờ các tín hiệu xác nhận đáy

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1240.71	4.90%
GTGD/phần (tỷ VND)	12,540.72	-16.78%
Khối ngoại (tỷ VND)	-142.39	
HNX-INDEX	307.02	-0.01%
GTGD/phần (tỷ VND)	1548.41	-0.42%
Khối ngoại (tỷ VND)	-44.69	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3901.36	0.01%	-3.05%	-8.67%
EU (EURO STOXX)	3657.03	0.45%	-1.25%	-4.77%
China (SHCOMP)	3146.57	1.60%	1.60%	-1.49%
Japan (NIKKEI)	26739.03	1.27%	1.18%	-0.23%
Korea (KOSPI)	2639.29	1.81%	1.64%	-3.26%
Singapore (STI)	3240.58	1.56%	2.38%	-2.01%
Thailand (SET)	1622.95	1.06%	2.43%	-3.14%
Philippines (PCOMP)	6746.33	1.30%	5.76%	-5.55%
Malaysia (KLIC)	1549.12	-0.02%	0.67%	-2.51%
Indonesia (JCI)	6918.14	1.39%	4.82%	-4.11%
Vietnam (VNIndex)	1240.71	-0.07%	4.90%	-10.40%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2205	1283.50	0.08%	44,431	20,523
VN30F2206	1276.80	-0.45%	1,528	8,147
VN30F2209	1274.00	-0.66%	15	158
VN30F2212	1263.20	-1.51%	6	128

TTCK VIỆT NAM

Thị trường đang có nhịp tích lũy thứ 2 sau nhịp giảm điểm đầu tháng 4

Thị trường có nhịp hồi tốt sau khi giảm mạnh tuần trước, VN-Index tăng 4.9% với 320 cổ phiếu và 18/19 ngành tăng điểm. Tâm lý thị trường dần ổn định khi chỉ số liên tiếp vượt những thời điểm khó khăn khi đón nhận nhiều thông tin bất lợi trong nước và quốc tế. Các ngành tăng đều tuy nhiên do thanh khoản thấp nên vận động giá tập trung ở các nhóm ngành giảm sâu và có thông tin hỗ trợ như Dầu khí (+12%), Dịch vụ tài chính (+11.6%) và Hóa chất (+11.6%). Mặc dù thị trường đang có chuyển biến tích cực về tâm lý nhưng sự thận trọng vẫn thể hiện qua thanh khoản duy trì ở mức thấp. NĐT vẫn cân nhắc duy trì tỷ trọng tiền mặt cao cũng như hạn chế đuổi giá cổ phiếu ở những nhịp hồi với thanh khoản không cải thiện.

Kỳ họp thứ 3 Quốc hội XV dự kiến họp từ 23/5 đến 17/6. Quốc hội xem xét thông qua 5 dự án luật và cho ý kiến 6 dự án luật. Quốc hội cũng xem xét kế hoạch kinh tế xã hội và ngân sách 2021 và kế hoạch năm 2022; quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020. Kỳ họp cũng xem xét và quyết định kéo dài thời gian áp dụng Nghị định 42 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, quốc hội cũng xem xét quyết định Chủ trương đầu tư Dự án Vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội; Dự án Vành đai 3 TP Hồ Chí Minh.

TTCK THẾ GIỚI

Các thị trường vẫn biến động với biên độ rộng và khó lường

Đà giảm của các chỉ số chứng khoán Hoa Kỳ thu hẹp trung bình 1% mặc dù chứng kiến 2 phiên giảm ngày 18 và 19/5. Chỉ số S&P500 đang hướng về vùng thị trường “con gấu” khi ghi nhận mức giảm 19% so với đầu năm. Các TTCK Châu Âu không có biến động rõ rệt trong khi TTCK khu vực có mức tăng mạnh, dẫn đầu là TTCK Philippines và Việt nam lần lượt 5.7% và 4.9%. Thị trường hàng hóa hồi phục gần bằng số giảm tuần trước với mức tăng 1.8% và hầu hết các mặt hàng đều tăng trở lại. USD Index lại giảm -1.6% so với mức tăng 0.9% tuần trước. Mức giảm chủ yếu so với EUR, CHF nhưng vẫn tiếp tục tăng 0.2% so với VND. Các thị trường vẫn đang biến động phức tạp với các tuần tăng giảm đan xen do tác động của các thông tin vĩ mô, xung đột cũng như việc nói lỏng kiểm soát covid tại Trung Quốc được công bố.

Chủ tịch FED nhấn mạnh quyết tâm kéo lạm phát xuống trong ngày 17/5 khi cho rằng FED sẽ nâng lãi suất cho tới khi tốc độ tăng giá cả về ngưỡng lành mạnh. FED sẽ tiếp tục nâng 0.5% trong các cuộc họp tiếp theo miễn sao các điều kiện kinh tế duy trì. Trước đó, chủ tịch FED cam kết đưa lạm phát về sát ngưỡng 2%. Ông Powell hy vọng có đạt mục tiêu mà không “nhấn chìm” nền kinh tế cho dù có thể có một vài tổn thất. Theo sau Hoa Kỳ, Nhật cũng công bố GDP giảm 0.2% so quý trước và giảm 1% cùng kỳ năm ngoái. Mức sụt giảm chủ yếu do các biện pháp phòng chống dịch tuy nhiên điều này cho thấy nền kinh tế thứ 3 thế giới hồi phục hết sức mong manh và chưa thể tăng lại trước đại dịch. Tăng trưởng các quốc gia chủ chốt sụt giảm trong khi quá trình trung hòa chính sách tiền tệ đẩy nhanh hình thành nguy cơ suy thoái ngắn hạn.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

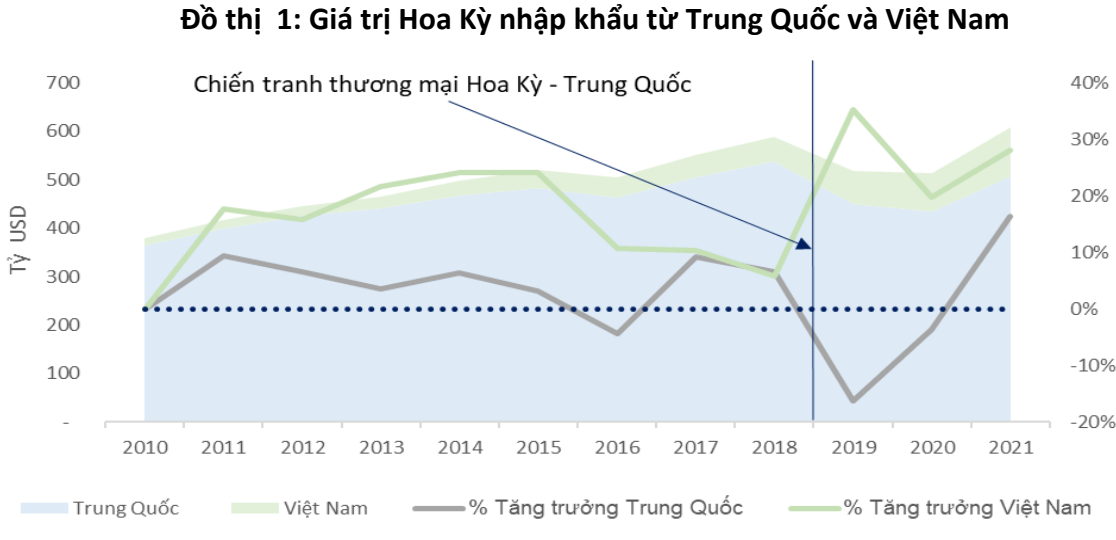


CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc

Với áp lực lạm phát tại Hoa duy trì ở mức cao, CPI tháng 03 đạt mức 8.3% YoY, chính quyền Biden đang cân nhắc tìm các biện pháp bình ổn lại giá cả hàng hóa. Một trong những biện pháp đang được thảo luận là việc dừng đánh thuế với một số mặt hàng hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Như vậy, nếu sự kiện này diễn ra có thể gây ảnh hưởng thế nào đến tình trạng xuất nhập khẩu và tỷ giá VND?

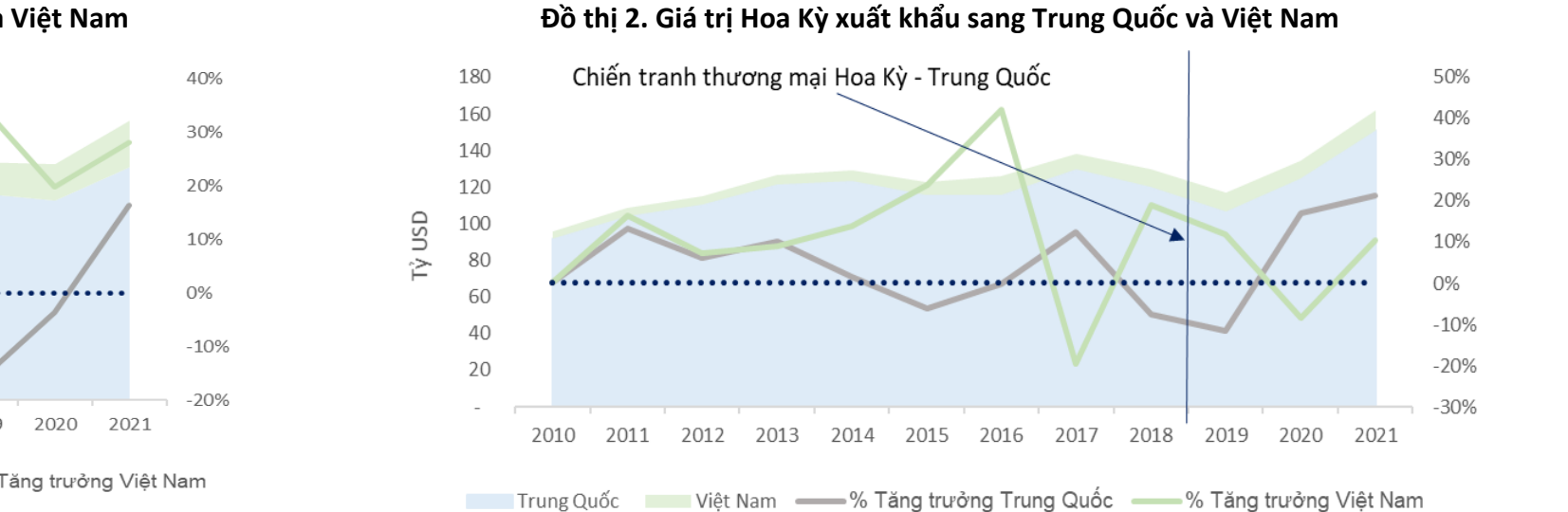
1. Tình trạng xuất nhập khẩu Hoa Kỳ - Trung Quốc – Việt Nam

Tình trạng xuất khẩu Việt Nam sang Hoa Kỳ cải thiện rõ rệt nhờ sự kiện chiến tranh thương mại Hoa Kỳ- Trung Quốc. Với Việt Nam, tốc độ tăng trưởng trung bình cải thiện từ mức 14.0% (giai đoạn 2010-2018) lên mức 27.7% (giai đoạn 2019-2021). Trái ngược lại, với Trung Quốc, tốc độ tăng trưởng trung bình suy giảm từ mức 5.1% (giai đoạn 2010-2018) xuống mức -1.1% (giai đoạn 2019-2021). Nguyên nhân của hiện tượng này chủ yếu do xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất hàng hóa từ Trung Quốc sang các nước lân cận đã kích thích tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ. (chi tiết xin đọc báo cáo *Chuyển dịch hàng hóa công nghiệp nặng*).



Nguồn: USITC, BSC Research

Nếu xét về tỷ trọng nhập khẩu và nhập siêu sang Hoa Kỳ, Việt Nam đều đang nằm trong top 10 quốc gia có giá trị nhập khẩu và nhập siêu lướn nhất. Về tỷ trọng nhập khẩu, Việt Nam vẫn duy trì một mức ổn định ở vị trí thứ 7 và chính thức vượt lên Hàn Quốc vào năm 2020. Về tỷ trọng nhập siêu, Việt Nam có mức tăng trưởng rõ rệt và tăng vọt từ vị trí thứ 6 năm 2017 lên vị trí thứ 3 vào năm 2020. Ở chiều ngược lại, tỷ trọng nhập siêu và nhập khẩu của Trung Quốc cũng giảm dần theo từng năm. Tỷ trọng của họ đặc biệt suy giảm mạnh vào năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại.



Nguồn: USITC, BSC Research

Bảng 1. Tỷ trọng top 10 quốc gia nhập khẩu Hoa Kỳ

Quốc gia	2017	2018	2019	2020	2021
Trung Quốc	21.6%	21.2%	18.1%	18.6%	17.9%
Mexico	13.4%	13.6%	14.3%	13.9%	13.6%
Canada	12.8%	12.6%	12.8%	11.6%	12.6%
Đức	5.0%	5.0%	5.1%	4.9%	4.8%
Nhật	5.8%	5.6%	5.8%	5.1%	4.8%
Việt Nam	2.0%	1.9%	2.7%	3.4%	3.6%
Hàn Quốc	3.1%	2.9%	3.1%	3.3%	3.4%
Đài Loan	1.8%	1.8%	2.2%	2.6%	2.7%
Ireland	2.1%	2.3%	2.5%	2.8%	2.6%
Ấn Độ	2.1%	2.1%	2.3%	2.2%	2.6%

4 Nguồn: USITC, BSC Research

Bảng 2. Tỷ trọng top 10 quốc gia nhập siêu của Hoa Kỳ

Quốc gia	2017	2018	2019	2020	2021
Trung Quốc	47.3%	48.1%	40.5%	34.1%	32.9%
Mexico	8.7%	8.9%	11.7%	12.5%	10.0%
Việt Nam	4.8%	4.5%	6.5%	7.7%	8.4%
Đức	8.0%	7.8%	7.9%	6.3%	6.5%
Nhật Bản	8.7%	7.7%	8.1%	6.1%	5.6%
Ireland	4.8%	5.4%	6.2%	6.2%	5.6%
Canada	2.1%	2.2%	3.1%	1.6%	4.6%
Malaysia	3.1%	3.0%	3.2%	3.5%	3.8%
Đài Loan	2.1%	1.7%	2.7%	3.3%	3.7%
Ý	4.0%	3.7%	3.9%	3.2%	3.6%

Nguồn: USITC, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc

Nếu tổng thống Biden hạ bớt hàng rào thuế quan đối với các loại hàng hóa Trung Quốc thì tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ chậm lại so với giai đoạn đỉnh 2019-2021. Trong đó, mức độ ảnh hưởng sẽ tạo tác động lớn nhất lên các nhóm hàng hóa sau:

Bảng 3. Top 10 hàng hóa Hoa Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam

Hàng hóa (Tỷ USD)	Giá trị					Tăng trưởng				
	2017	2018	2019	2020	2021	2017	2018	2019	2020	2021
Máy điện và thiết bị điện tử	5.9	6.4	12.7	14.3	19.2	4.0%	8.7%	98.0%	12.6%	34.1%
Đồ nội thất	4.5	4.9	6.8	9.1	11.0	13.5%	8.3%	38.9%	35.4%	20.1%
Máy và thiết bị cơ khí phụ tùng	2.9	2.5	3.3	6.4	10.2	34.3%	-13.0%	31.8%	90.8%	60.6%
Quần áo, hàng may mặc, dệt kim hoặc móc	6.8	7.1	7.7	7.1	8.6	8.0%	5.7%	7.9%	-7.3%	20.7%
Giày, dép	5.5	6.2	7.0	6.5	7.5	12.5%	12.3%	12.7%	-7.0%	15.5%
Quần áo, hàng may mặc, không dệt kim hoặc móc	4.7	5.0	5.8	5.6	5.7	5.9%	7.1%	14.3%	-2.7%	1.3%
Đồ chơi và thiết bị trò chơi	0.6	0.7	1.3	2.2	2.4	28.8%	15.0%	78.9%	69.7%	9.3%
Chất dẻo và SP bằng chất dẻo	0.3	0.5	0.8	1.3	2.1	22.8%	39.5%	70.5%	59.0%	61.7%
Cao su và SP bằng cao su	0.6	0.7	0.8	1.0	1.3	54.2%	14.4%	22.7%	17.7%	35.0%
Quả và quả hạch ăn được	1.2	1.3	1.0	1.0	1.1	29.4%	4.5%	-17.3%	-2.7%	10.4%

Nguồn: USITC, BSC Research

Bảng 4. Top 10 hàng hóa Hoa Kỳ nhập khẩu từ Trung Quốc

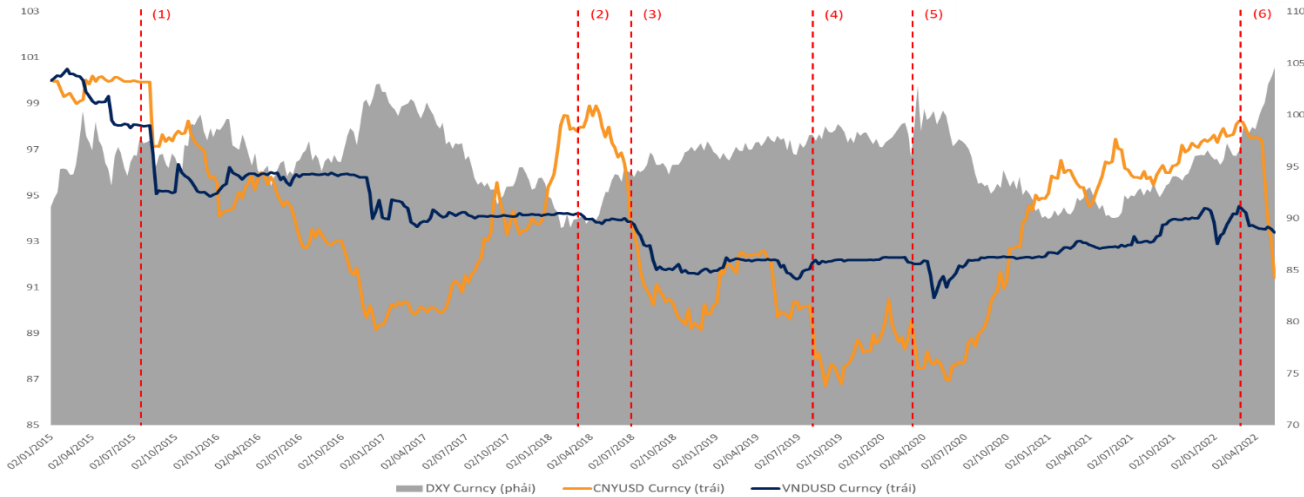
Hàng hóa (Tỷ USD)	Giá trị					Tăng trưởng				
	2017	2018	2019	2020	2021	2017	2018	2019	2020	2021
Máy điện và thiết bị điện tử	99.5	102.8	89.2	81.1	100.1	18.8%	3.3%	-13.2%	-9.2%	23.4%
Máy và thiết bị cơ khí phụ tùng	94.5	100.0	78.6	85.3	96.7	11.7%	5.9%	-21.4%	8.6%	13.4%
Đồ chơi và thiết bị trò chơi	25.5	26.6	25.3	26.3	37.4	7.2%	4.4%	-5.0%	3.8%	42.3%
Chất dẻo và SP bằng chất dẻo	16.3	19.1	17.9	20.1	24.0	13.4%	17.1%	-6.5%	12.4%	19.6%
Đồ nội thất	24.6	26.6	20.1	16.5	19.5	10.0%	8.2%	-24.7%	-17.5%	18.1%
SP bằng sắt hoặc thép	11.6	13.1	10.9	10.6	13.6	10.2%	13.6%	-16.8%	-3.3%	29.1%
ô tô và phụ tùng	12.4	14.5	11.4	10.1	12.9	4.4%	16.6%	-21.1%	-11.8%	28.5%
Quần áo, hàng may mặc, dệt kim hoặc móc	14.3	14.7	13.7	8.9	12.1	-1.8%	3.2%	-7.2%	-35.0%	36.7%
Giày, dép	14.3	14.0	13.4	8.7	11.5	-3.8%	-1.5%	-4.3%	-35.0%	31.2%
Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác	7.9	8.5	8.9	21.3	11.0	5.1%	6.9%	4.7%	139.8%	-48.3%

Nguồn: USITC, BSC Research

Như vậy, các nhóm hàng hóa xuất khẩu chịu ảnh hưởng nhiều nhất là : **(1)** Máy điện và thiết bị điện tử; **(2)** Máy và thiết bị cơ khí phụ tùng, **(3)** Quần áo, hàng may mặc, **(4)** Đồ chơi và thiết bị trò chơi và **(5)** Đồ nội thất.

2. Diễn biến tỷ giá USD, Nhân dân tệ (CNY), Việt Nam đồng (VNĐ)

Đồ thị 3: Diễn biến tỷ giá USD - NDT - VNĐ



Nguồn: Bloomberg, BSC Research 5

Trong đó,

Bảng 5: Các sự kiện tác động đến giá trị NDT

STT	Thời gian	Sự kiện
(1)	11-13/5/2015	Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ
(2)	22/3/2018	Mỹ buộc tội Trung Quốc thao túng tiền tệ
(3)	6/7/2018	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nổ ra
(4)	5/8/2019	Trung Quốc phá giá đồng NDT đáp trả luật thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ
(5)	15/3/2020	FED nới lỏng CSTT
(6)	9/3/2022	FED dừng QE4

Ngoài ra, trong giai đoạn từ 2015 – 2022, FED còn có 11 lần nâng lãi suất, gây ảnh hưởng đến giá trị 3 đồng tiền.



CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc

Bảng 6: Phản ứng của đồng NDT qua những sự kiện làm đồng NDT giảm giá trị

Sự kiện	-1M	-1W	-1D	t	t+1	t+2	1W	1M	3M
TQ phá giá NDT	1.80%	1.85%	1.85%	0.00%	-0.96%	-1.15%	-1.11%	-0.68%	-0.18%
	-1M	-1W	-1D	t	t+1	t+2	1W	1M	3M
FED nâng lãi suất 0.25%	1.38%	0.69%	0.16%	0.00%		-0.17%	-0.08%	-1.56%	-0.62%
FED nâng lãi suất 0.25%	0.36%	0.41%	0.03%	0.00%		-0.60%	-0.56%	-0.47%	-0.12%
FED nâng lãi suất 0.25%	0.64%	0.03%	0.00%	0.00%		0.24%	0.48%	0.34%	1.75%
FED nâng lãi suất 0.25%	-1.26%	-0.06%	-0.11%	0.00%		-0.24%	-0.55%	0.06%	4.10%
FED nâng lãi suất 0.25%	-0.07%	0.07%	-0.03%	0.00%		0.15%	0.62%	1.71%	4.65%
FED nâng lãi suất 0.25%		0.08%	-0.17%	0.00%		-0.19%	0.40%	0.78%	-1.17%
Mỹ buộc tội TQ thao túng tiền tệ	-0.28%	0.20%	0.19%	0.00%		0.30%	0.72%	0.89%	-1.04%
FED nâng lãi suất 0.25%	0.41%	0.15%	-0.08%	0.00%		-0.06%	-1.17%	-4.26%	-6.33%
Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nổ ra	3.68%	0.33%	0.09%	0.00%		0.40%	-0.73%	-2.70%	-3.29%
FED nâng lãi suất 0.25%	0.84%	0.44%	0.16%	0.00%		-0.17%		-0.94%	-0.18%
FED nâng lãi suất 0.25%	-0.52%	0.16%	-0.06%	0.00%		0.09%	0.08%	1.99%	2.74%
TQ phá giá NDT	2.45%	2.28%	1.59%	0.00%		0.36%	-0.10%	-1.69%	-0.25%
FED dừng QE4	-0.71%	-0.06%	-0.02%	0.00%		-0.07%	-0.55%	-0.66%	
FED nâng lãi suất 0.25%	0.24%	0.55%	-0.28%	0.00%		0.09%	-0.31%	-0.24%	
FED nâng lãi suất 0.5%	4.64%	0.44%		0.00%		-0.16%	-1.92%		
Trung bình	0.91%	0.47%	0.22%	0.00%		-0.06%	-0.32%	-0.46%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận xét: Những sự kiện như Trung Quốc 2 lần phá giá đồng NDT, sự kiện liên quan đến chiến tranh thương mại Mỹ - Trung có tác động làm giảm giá đồng NDT mạnh hơn những sự kiện liên quan đến việc FED thắt chặt CSTT. Trung bình, những sự kiện này khiến đồng NDT mất 0.32% giá trị sau 1 tuần, 0.46% giá trị sau 1 tháng.

Diễn biến USD - NDT - VNĐ thời gian gần đây:

- USD:

Diễn biến: Kể từ tháng 3/2020, đồng USD suy giảm theo đà nói lỏng CSTT của FED (hạ lãi suất và ban hành gói hỗ trợ QE4) để hỗ trợ nền kinh tế trong đại dịch. Tính từ thời điểm FED bắt đầu ban hành gói QE4 (20/3/2020) đến khoảng giữa năm 2021, giá trị đồng USD đã mất khoảng 12.5%. Từ giữa năm 2021 đến hiện tại (tháng 5/2022), giá trị USD hồi phục 16.16%.

Nhận xét: khi lạm phát nước Mỹ bắt đầu có tín hiệu nóng lên từ khoảng giữa năm 2021, thị trường kỳ vọng FED sẽ sớm thắt chặt CSTT. Điều này đã làm đồng USD quay đầu tăng giá sau thời gian giảm dài. Sau đó, lạm phát Hoa Kỳ thực sự đã tăng cao, kết hợp với việc FED liên tục đưa ra tín hiệu nâng lãi suất và các công cụ khác từ năm ngoái đến nay để thắt chặt CSTT, đã làm giá trị USD tăng kéo dài đến tận hiện tại. Tính tới tháng 4/2022, lạm phát Mỹ là 8.3% YoY – cao hơn nhiều so với mức lạm phát mục tiêu 2%. Điều này sẽ là động lực thúc đẩy kỳ vọng tiếp tục thắt chặt CSTT trong tương lai của Mỹ, và mục tiêu hiện tại của FED là thực hiện biện pháp thắt chặt triệt để cho đến khi lạm phát giảm mới thôi, do đó giá trị đồng USD có thể sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong thời gian tới.

- NDT và VNĐ:

Diễn biến: Nhìn chung, giá trị NDT và VNĐ có diễn biến cùng chiều. Tỷ giá NDT/USD và VNĐ/USD tăng từ đầu năm 2020. Kể từ vùng đáy trong giai đoạn này, tỷ giá NDT/USD đã tăng 12.94%, tỷ giá VNĐ/USD tăng 3.43%. Giá trị 2 đồng tiền này so với đồng USD đồng thời quay đầu giảm vào đầu tháng 3 – khi FED bắt đầu thắt chặt CSTT bằng cách dừng gói QE4 và nâng lãi suất thêm 0.25% và đà giảm đó duy trì đến bây giờ khi FED thực hiện CSTT thắt chặt và liên tục phát tín hiệu sẽ thắt chặt hơn trong tương lai. Tính từ đỉnh hình thành từ đầu tháng 3 năm nay, tỷ giá NDT/USD và VNĐ/USD lần lượt giảm 6.92% và 1.1%.

Nhận xét: Đồng NDT và đồng VNĐ bắt đầu tăng giá khi FED thực hiện CSTT nói lỏng từ đầu năm 2020 và bắt đầu giảm khi FED thực hiện thắt chặt CSTT từ đầu năm 2022. Bên cạnh đó, cũng trong năm 2022, việc đẩy mạnh thực hiện chính sách Zero-Covid – ngày càng phong tỏa thêm nhiều thành phố lớn tại Trung Quốc đã làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của nước này, gây ảnh hưởng tới kỳ vọng tăng trưởng kinh tế do đó làm ảnh hưởng đến giá trị đồng nhân dân tệ, nhất là trong bối cảnh Hoa Kỳ đã thắt chặt CSTT nhưng Trung Quốc vẫn đang nói lỏng để thúc đẩy nền kinh tế. Đối với đồng VNĐ, mức suy giảm không mạnh như Trung Quốc do Việt Nam vẫn duy trì mức lạm phát dưới ngưỡng mục tiêu (4%) và duy trì xuất siêu từ đầu năm tới thời điểm hiện tại.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc

Nếu tổng thống Biden hạ bớt hàng rào thuế quan đối với các loại hàng hóa Trung Quốc thì tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ chậm lại so với giai đoạn đỉnh 2019-2021. Điều này cũng sẽ khiến tỷ giá VNĐ/USD giảm xuống. Tuy nhiên, tỷ giá sẽ không biến động và chênh lệch quá lớn do:

- Tình trạng xuất siêu dự tính sẽ tiếp tục khi các yếu tố vĩ mô vẫn đang ủng hộ xu hướng xuất siêu của Việt Nam và các hiệp định thương mại được thực hiện.
- Nguồn kiều hối ước tính có tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm ở mức 4.4% và ước tính đạt 18.9 tỷ USD vào năm 2022.
- Dự trữ ngoại hối dồi dào (ước tính đạt 109 tỷ USD tính đến tháng 4/2022).

3. Ảnh hưởng việc phá giá NDT đối với Việt Nam

3.1. Diễn biến sự kiện Trung Quốc phá giá NDT 2015 và 2019

- Ngày 11/8/2015: PBOC bất ngờ giảm tỷ giá hối đoái 1.86% từ mức 6.1162 USD/NDT của ngày 10/8/2015 xuống mức 6.2298 USD/NDT. Đây là đợt giảm sâu nhất trong 20 năm trở lại đây.
- Ngày 12-13/8/2015: Đồng NDT tiếp tục giảm thêm và sau 3 ngày, giá trị đồng NDT đã mất khoảng 3% so với ngày 10/8, tương ứng 6.4010 NDT/USD.
- Ngày 5/8/2019: PBOC giảm tỷ giá hối đoái 1.72% từ mức 6.9405 USD/NDT xuống 7.062 USD/NDT.

3.2. Phản ứng TTCK các nước trước việc Trung Quốc phá giá NDT

Bảng 7: Phản ứng của TTCK các nước trước việc Trung Quốc phá giá NDT năm 2015

Quốc gia	-1M	-1W	-1D	t	t+1	t+2	1W	1M	3M
	14/07/2015	04/08/2015	10/08/2015	11/08/2015	12/08/2015	13/08/2015	18/08/2015	08/09/2015	03/11/2015
China	-0.09%	-4.36%	0.01%	0.00%	-1.06%	0.68%	-4.58%	-19.28%	-15.56%
US	1.19%	0.44%	0.96%	0.00%	0.10%	-0.03%	0.62%	-5.50%	1.23%
Đức	1.98%	1.44%	2.75%	0.00%	-3.27%	-2.47%	-3.34%	-9.05%	-3.03%
Vietnam	4.18%	-2.00%	0.24%	0.00%	-1.44%	-3.07%	-5.36%	-7.56%	-0.22%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận xét: Ngoại trừ TTCK Hoa Kỳ, thị trường chứng khoán các nước châu Âu và châu Á đều có phản ứng tiêu cực ngay lập tức khi Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ, đặc biệt là trong giai đoạn năm 2015.

3.3. Diễn biến giá trị VNĐ khi Trung Quốc phá giá NDT

Trong lần Trung Quốc phá giá đồng NDT vào năm 2015, lo ngại đồng NDT giảm giá sẽ gây ảnh hưởng đến hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, SBV đã can thiệp giảm giá trị đồng VNĐ bằng cách tăng biên độ tỷ giá VNĐ/USD từ 1% lên 2%, kéo theo phạm vi biến động tỷ giá có thể lên cao nhất 22,106 đồng. Mặc dù đây không phải động thái làm giảm giá đồng tiền trực tiếp, nhưng về bản chất có tác động tương tự do tiền đồng đang giao dịch ở mức trần trong thời gian trước đó. Đối với lần phá giá NDT năm 2019, tỷ giá Việt Nam không có phản ứng giảm theo mà giữ nguyên ở mức ổn định quanh ngưỡng 23,250 suốt cả năm.

Nhận xét: Trong năm 2019, nhờ có trữ lượng ngoại hối ở mức cao và thặng dư thương mại đạt 9.9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm xuất siêu trước đó, tỷ giá VNĐ/USD duy trì ở mức ổn định trong cả năm.

Bảng 8: Phản ứng của TTCK các nước trước việc Trung Quốc phá giá NDT năm 2019

Quốc gia	-1M	-1W	-1D	t	1D	1W	1M	3M
	08/07/2019	29/07/2019	02/08/2019	05/08/2019	06/08/2019	12/08/2019	02/09/2019	28/10/2019
China	3.96%	4.24%	1.64%	0.00%	-1.56%	-0.23%	3.64%	5.62%
US	4.61%	6.19%	3.07%	0.00%	1.30%	1.37%	2.87%	6.84%
Đức	7.59%	6.51%	1.83%	0.00%	-0.78%	0.18%	2.53%	11.01%
Vietnam	-0.70%	2.55%	1.84%	0.00%	-0.88%	0.22%	1.12%	2.40%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 9: Diễn biến giá trị VNĐ khi Trung Quốc phá giá NDT

	-1M	-1W	-1D	t	t+1	t+2	1W	1M	3M
	08/07/2019	29/07/2019	02/08/2019	05/08/2019	06/08/2019	12/08/2019	02/09/2019	28/10/2019	
2015	0.08%	0.03%	0.02%	0.00%	-0.92%	-1.20%	-1.21%	-2.91%	-2.20%
2019	0.09%	0.25%	0.19%	0.00%	0.05%	0.29%	0.31%	0.29%	
Trung bình	0.09%	0.14%	0.11%	0%	-0.43%	-0.46%	-1.30%	-0.95%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Tác động của việc Mỹ hạ bớt hàng rào thuế quan đối với Trung Quốc

3.3. Diễn biến lạm phát Việt Nam khi Trung Quốc phá giá NDT

Nhận xét: Trong hai lần Trung Quốc phá giá NDT, lạm phát Việt Nam lần lượt đạt ở mức thấp 0.63% và 2.8%. Thậm chí, lạm phát còn suy giảm so với các năm trước đó là vì: Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Trung Quốc phá giá đồng tiền khiến cho hàng hóa nhập khẩu từ nước này trở nên rẻ hơn so với thời gian trước khi phá giá.

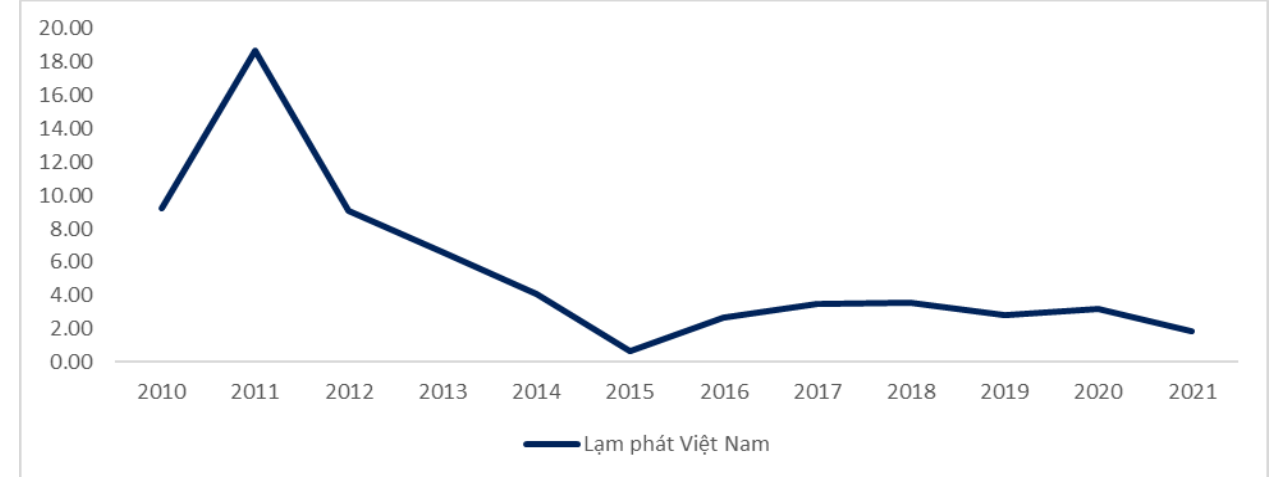
3.4. Diễn biến lãi suất Việt Nam khi Trung Quốc phá giá NDT

Năm 2015: Khi Trung Quốc phá giá đồng NDT và BSV muốn điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VNĐ (nghĩa là điều chỉnh VNĐ giảm giá), theo lẽ thường lãi suất sẽ phải giảm đi. Tuy nhiên, dù đồng VNĐ vẫn được điều chỉnh giảm giá (Bảng 9), lãi suất điều hành vẫn giữ nguyên ở mức 6.5%, lãi suất huy động có xu hướng tăng lên.

Năm 2019: SBV thực hiện hạ lãi suất điều hành, kéo theo lãi suất huy động tăng lên chủ yếu là do ở giai đoạn gần đó, kinh tế thế giới diễn biến kém thuận lợi hơn, nhiều ngân hàng trung ương các nước trong đó có Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed), Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) đã giảm lãi suất điều hành. Bên cạnh đó, trong nước kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, thị trường tiền tệ, ngoại hối diễn biến ổn định.

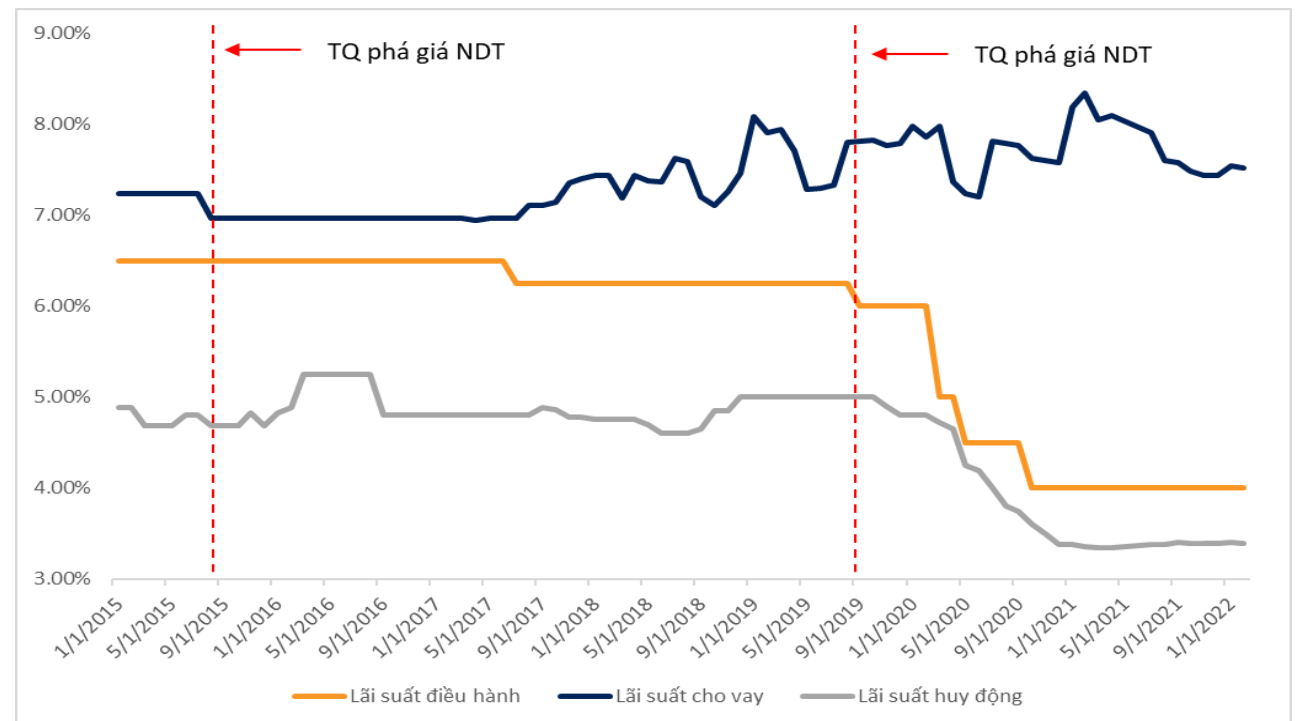
Nhận xét: Trong hai lần Trung Quốc phá giá NDT, SBV không can thiệp vào tỷ giá thông qua kênh lãi suất.

Đồ thị 4: Diễn biến lạm phát Việt Nam khi Trung Quốc phá giá NDT



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 5: Diễn biến lãi suất Việt Nam khi Trung Quốc phá giá NDT



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PTKT VN-INDEX: Chờ các tín hiệu xác nhận đáy

Đồ thị ngày: Thị trường có tín hiệu đảo chiều sau cây nến inverted hammer ngày 16/5 và cây nến marubozu thân trắng xác nhận sau đó. Thanh khoản ở nhịp hồi duy trì ở mức thấp khiến cho sự hồi phục chưa đáng tin cậy. Tâm lý thị trường ổn định lại thể hiện qua những phiên tăng nhẹ bất chấp thông tin tiêu cực trong nước và quốc tế. 2 cây doji cuối tuần quanh 1,240 điểm cho thấy sự phân vân về xu hướng tiếp theo trong bối cảnh chưa có thông tin hỗ trợ rõ rệt. Chỉ báo kỹ thuật RSI đã thoát khỏi vùng quá mua nhưng các chỉ báo khác vẫn chưa cải thiện rõ ràng để xác nhận xu hướng hồi phục ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng lên mức 36.5 và thoát khỏi vùng quá bán.
- MACD thu hẹp với đường tín hiệu và mức 0; Thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp trong những phiên hồi phục.

Nhận định: Nhịp hồi phục ngắn hạn là tín hiệu khá tích cực có tác dụng giải tỏa tâm lý cũng như giảm áp lực của hoạt động giải chấp margin ngắn hạn. Dù vậy VN-Index vẫn đang nằm trong xu hướng giảm điểm và quá trình tích lũy tạm thời vẫn nằm trong xu hướng giảm điểm. VN-Index cần vượt qua 1,270 và 1,300 điểm để xác nhận xu hướng hồi phục và phá vỡ vòng vận động đáy sau thấp hơn đáy trước và đỉnh sau thấp hơn đỉnh trước của xu hướng giảm điểm. Ở chiều ngược lại đáy ngắn hạn tại 1,171 điểm đóng vai trò ngắn hạn cho mô hình 2 đáy và trong khi 1,100 điểm hỗ trợ cho xu hướng tăng điểm trung hạn.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách đạt hơn 20.3% kế hoạch năm

VIỆT NAM:

- Theo Ngân hàng Thế giới (WB), điện gió ngoài khơi có tiềm năng cung cấp 12% điện năng của Việt Nam vào năm 2035.
- Theo đánh giá của 3 tổ chức xếp hạng tín nhiệm (XHTN) Moody's, thì S&P và Fitch đánh giá Việt Nam đạt mức BB (theo Fitch và S&P) và Moody's là mức 3. Cả ba tổ chức đều đánh giá Việt Nam ở triển vọng tích cực.
- Trong chuyến thăm và làm việc tại Mỹ, Thủ tướng thúc đẩy quỹ lớn hàng đầu thế giới đầu tư nhiều hơn tại Việt Nam.
- Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI, từ đầu năm tới nay Hoa Kỳ đang có gần 1,200 dự án FDI tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký đạt hơn 10 tỷ USD, cao thứ 11 trong số 139 quốc gia.
- Bộ Tài chính: Thu ngân sách nhà nước tháng 4 đạt 160,200 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng đầu năm, ngân sách đạt 645,300 tỷ đồng, bằng 45.7% dự toán, tăng 13.3% so cùng kỳ.
- VLA có báo cáo về hoạt động logistics tại Việt Nam, chi phí logistics tương đương khoảng 20 - 22% GDP hàng năm, cao hơn đáng kể so với Thái Lan (19%), Trung Quốc (18%), Malaysia (13%) và cao gần gấp ba lần nếu so với các nước như Mỹ, Singapore (8%)...
- Phó Thủ tướng Lê Văn Thành làm việc với Bộ Giao thông Vận tải, sẽ phải xả trạm BOT nếu chưa có thu phí tự động không dừng sau ngày 31/7.
- Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát hàng chục tỉ đồng, Trần Ngọc Hà - nguyên chủ tịch VEAM, cùng dàn lãnh đạo của Tổng công ty này phải hầu toà.
- Bộ Tài chính ước tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách đạt hơn 20.3% kế hoạch năm, tương đương hơn 105,035 tỷ đồng đến 15/5 và ước đạt gần 22.4% kế hoạch năm Thủ tướng giao, tương đương hơn 115,922 tỷ đồng tính đến 31/5.

THẾ GIỚI:

- Doanh thu bất động sản Trung Quốc tháng 4 giảm 46,6% so với cùng kỳ năm trước, mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 8/2006. Doanh số bán lẻ giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2021. Sản lượng công nghiệp giảm 2,9%, trái ngược với dự báo tăng 0,4%.
- Ủy ban châu Âu (EC) hạ dự báo tăng trưởng 2022 của khu vực Eurozone xuống 2,7%, từ mức 4% đưa ra vào tháng 2, dự báo với toàn EU hạ từ 4% xuống 2,7%.
- Phần Lan và Thụy Điển đã chính thức nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- Nền kinh tế Nhật Bản giảm 1% trong quý I so cùng kỳ năm 2021, thấp hơn dự báo giảm 1,8% của Reuters. So với quý IV/2021, GDP Nhật Bản giảm 0,2%.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Anh tăng 9% trong tháng 4, cao nhất kể từ năm 1982, khiến lạm phát tháng 4 tại Anh chạm đỉnh 40 năm.
- Sri Lanka vỡ nợ do không thể trả lãi đúng hạn cho 78 triệu USD cho các lô trái phiếu đáo hạn năm 2023 và 2028. Chính phủ mới của Sri Lanka xem xét bán hãng hàng không quốc gia SriLankan Airlines để giảm lỗ.
- Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng của Trung Quốc trong năm 2022 xuống 4%, thấp hơn mục tiêu 5,5% mà chính phủ Trung Quốc đặt ra trong tháng 3.
- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) cắt giảm lãi suất khoản vay kỳ hạn 5 năm từ 4,6% xuống 4,45%, mức mạnh nhất từ năm 2019.
- Bloomberg cho rằng nền kinh tế Trung Quốc sẽ được bơm tới 35.500 tỷ nhân dân tệ (tương đương gần 5.300 tỷ USD) để kích thích tăng trưởng.
- Thượng viện Mỹ thông qua gói cứu trợ kinh tế và quân sự trị giá gần 40 tỷ USD để giúp Ukraine trong cuộc chiến tranh với Nga..

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

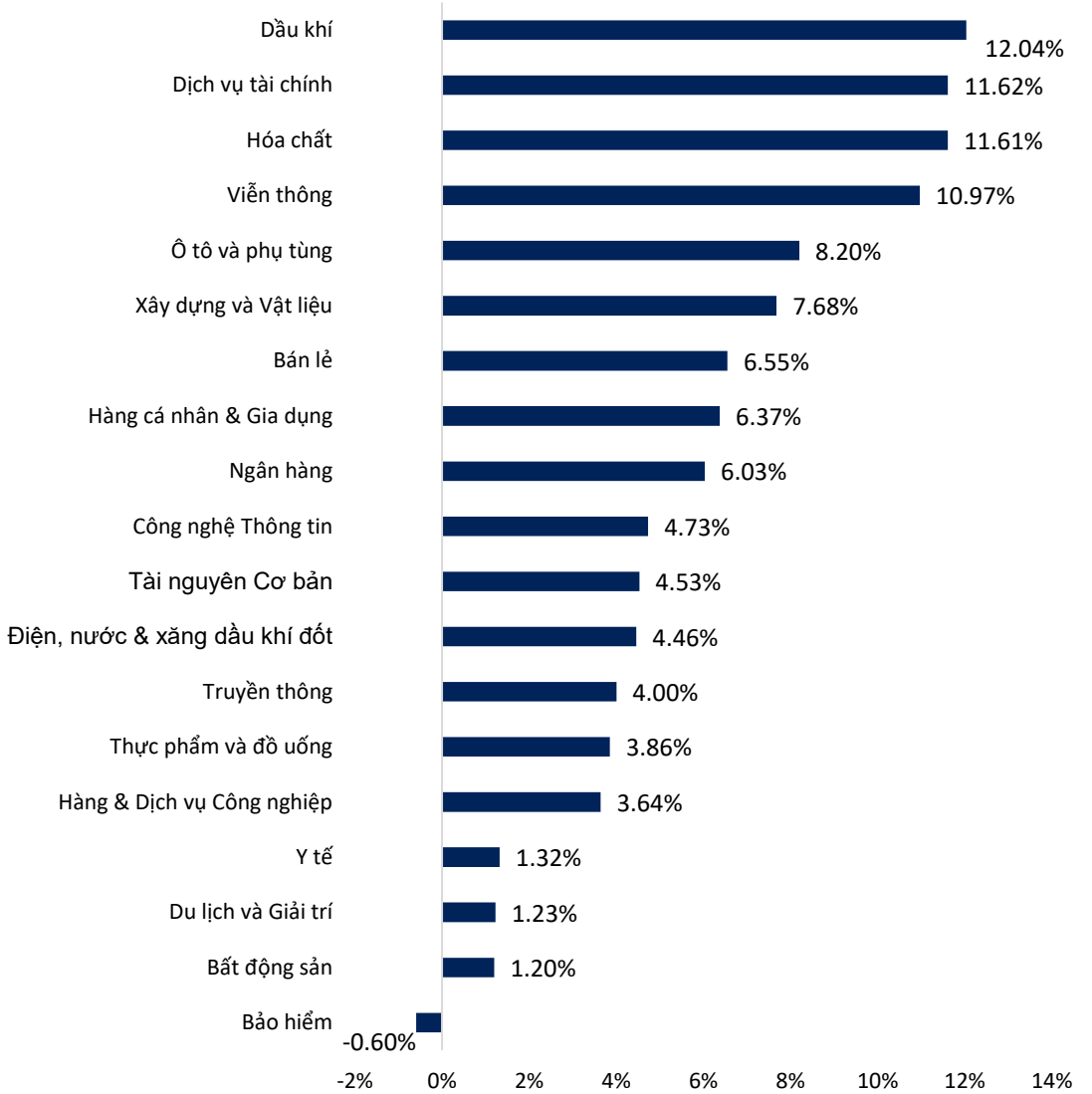
- Kỳ họp thứ 3 Quốc hội XV dự kiến họp từ 23/5 đến 17/6.
- Ngày 24/5, PMI Anh, Nhật, EU, Châu Âu; Doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ. 25/5, GDP công bố lần cuối Nhật; Chủ tịch BOJ phát biểu; Đơn đặt hàng lâu bền Hoa Kỳ. 26/5, Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ, Biên bản FOMC; GDP công bố lần cuối và đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 27/5, Cán cân thương mại, Báo cáo thu nhập và chi tiêu cá nhân, chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dầu khí	-0.56%	12.04%	-16.39%	PLX	8.43%		
Dịch vụ tài chính	-0.58%	11.62%	-15.74%	SSI	10.27%	HCM	16.67%
Hóa chất	2.08%	11.61%	-22.14%	DRC	9.54%	DGC	16.14%
Viễn thông	6.83%	10.97%	0.88%	VGI	12.55%	FOX	0.71%
Ô tô và phụ tùng	1.52%	8.20%	-10.79%	VEA	2.59%	0	0.00%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	110.28	0.35%	1.52%	8.80%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	112.55	0.46%	0.90%	5.85%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	383.70	0.14%	-3.05%	17.63%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,846.50	0.25%	1.92%	-5.68%		PNJ
Bạc	USD/oz.	21.78	-0.70%	3.13%	-13.61%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,705.25	0.87%	3.57%	-0.68%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	1,168.75	-2.64%	-0.74%	6.49%	AFX	
Sữa	USD/cwt	25.09	-0.12%	0.48%	3.81%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	246.20	0.70%	2.20%	-7.02%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.95	0.91%	4.07%	2.05%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	215.85	-1.30%	0.91%	-1.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,422.00	0.07%	2.87%	-8.56%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,611.00	1.99%	1.99%	-8.51%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,946.00	1.36%	5.67%	-9.66%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	827.00	3.37%	3.37%	-9.52%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	330.70	3.17%	10.33%	7.34%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	709.25	2.08%	2.08%	-12.88%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
MSN	11.25%	3.93
BID	8.49%	3.48
MBB	12.03%	2.79
VCB	3.15%	2.77
CTG	8.37%	2.45
GVR	11.27%	2.44
GAS	4.50%	2.20
HPG	4.87%	2.00
VPB	5.52%	1.84
TCB	5.62%	1.70
Tổng		25.59

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-1.76%	-1.33
SAB	-3.81%	-1.01
VIC	-0.26%	-0.19
GMD	-4.23%	-0.17
BHN	-4.76%	-0.16
TMS	-5.37%	-0.14
EIB	-1.28%	-0.13
DHG	-3.19%	-0.10
BVH	-0.99%	-0.09
VJC	-0.48%	-0.08
Tổng		-3.40

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
DPM	220.79	13.13
VNM	147.19	54.42
MSN	134.02	28.67
BSR	130.49	41.13
FUEVFN	128.98	
DCM	104.09	7.85
CTG	100.20	26.04
VHC	80.15	25.41
HDB	73.35	16.21
GMD	61.57	44.96
Tổng	1,180.82	

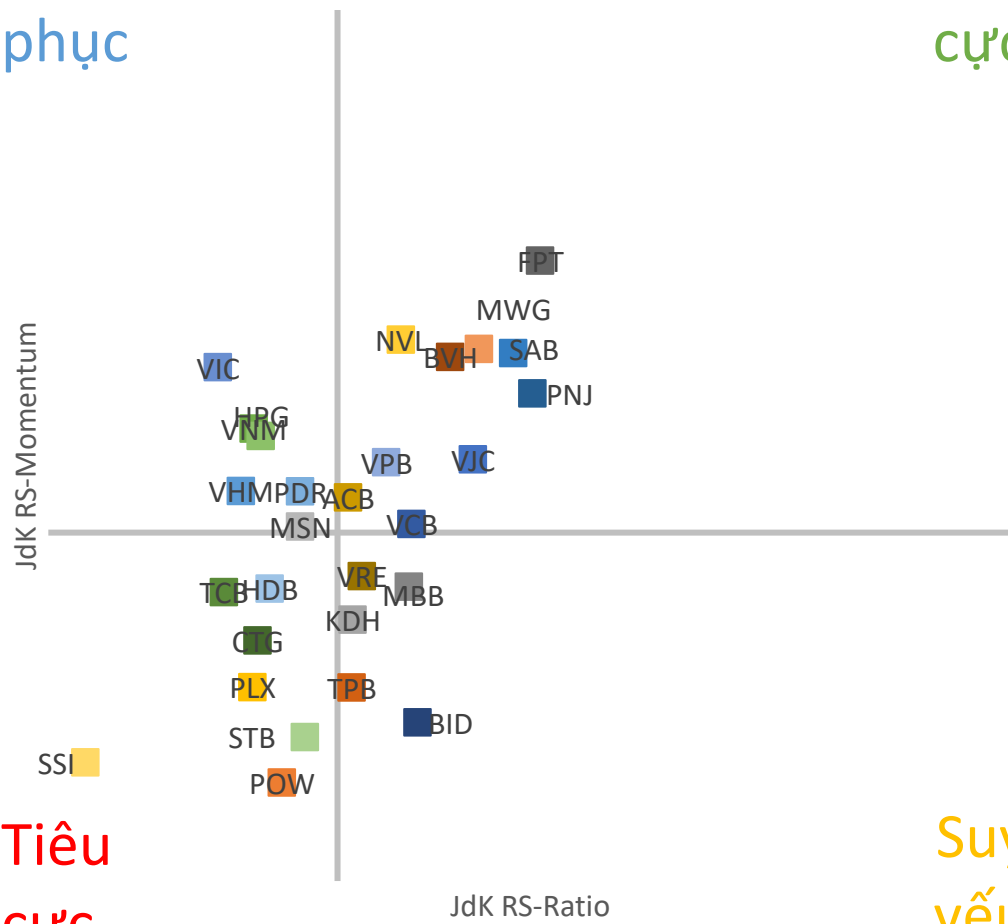
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	-575.85	37.24
HPG	-422.12	21.67
STB	-194.02	21.23
VIC	-135.14	12.58
VCB	-132.26	23.59
VHM	-65.69	23.38
SHS	-49.49	7.54
DGC	-44.57	15.37
KDH	-42.05	32.70
TPB	-38.47	29.96
Tổng	-1699.67	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
VJC	107.0281	102.0947	-12.25%
PNJ	110.1224	103.9911	3.10%
BVH	105.8629	105.0378	-14.92%
FPT	110.5197	107.7996	4.95%
SAB	107.3558	105.2653	-7.40%
NVL	103.3013	105.5296	-0.38%
MWG	109.1279	105.1415	-0.37%
ACB	100.5642	100.9996	-11.70%
VCB	103.8565	100.2431	-11.41%
GAS	104.1635	101.3352	-12.33%
VPB	102.5413	102.0124	-13.92%
VHM	94.99776	101.1892	-15.76%
VNM	95.669	102.9764	-13.25%
PDR	98.07561	101.1755	-15.91%
MSN	98.0761	100.1701	-17.61%
VIC	93.80136	104.7362	-1.39%
HPG	96.03008	102.7639	-18.86%
KDH	100.7922	97.49137	-23.19%
VRE	101.2821	98.7405	-20.72%
BID	104.1665	94.54582	-18.73%
TPB	100.7401	95.54899	-24.25%
MBB	103.7092	98.43943	-21.51%
POW	97.12731	92.81566	-28.09%
PLX	95.60246	95.55696	-34.15%
CTG	95.86646	96.89916	-19.06%
TCB	94.1159	98.28311	-30.54%
HDB	96.49033	98.38895	-10.97%
GVR	91.25144	99.34801	-33.05%
SSI	86.93251	93.40193	-36.78%
STB	98.31933	94.12777	-35.91%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX				ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
	Ngày	Tuần	Tháng						1W	1M	3M
Giá trị mua	902.15	7,380.70	38,262.50	VNM	357.00	0.95	1.00	-1.62%	-1.42	37.55	-35.21
Giá trị bán	1,322.35	7,523.08	34,129.27	FTSE	28.34	0.67	0.00	-1.93%	0.00	2.95	3.12
Mua / bán ròng	-420.21	-142.39	4,133.25	iShare	122.30	0.75	0.00	6.88%	0.74	4.17	-1.76
				E1VFN30	3.77	0.70	0.00	-1.76%	0.0	-0.3	-0.2
				FUEVFN30	675.00	1.14	3.70	4.27%	48.4	74.9	130.6
				FUBON FTSE	8.43	0.72	0.00	1.61%	0.7	1.6	3.4
				FUESSVFL	280.22	35.87	0.00	-0.68%	0.5	-4.8	-19.9
				FUESSVN30	497.74	0.49	0.00	-1.02%	71.7	90.9	107.5
				FUEMAVN30	404.04	29.49	0.00	-1.13%	-7.4	-21.8	-34.2
				VN100	135.69	16.35	0.00	-0.98%		-17.26	-18.59
				KIM	23.98	10.52	0.00	-1.63%	0.00	-0.45	-0.97
				PREMIA	409.14	15.62	0.00	-0.10%	-0.77	-3.32	-26.58

Nhận định: Khối ngoại chuyển giảm giá trị mua ròng. Các ETF giao dịch trái chiều. ETF Diamond, Fubon, Finlead, VN100, FTSE mua ròng trong khi E1, iShare, VNM bán ròng. Khối ngoại bán ròng mua bán trái chiều trong khu vực. ⓘ

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

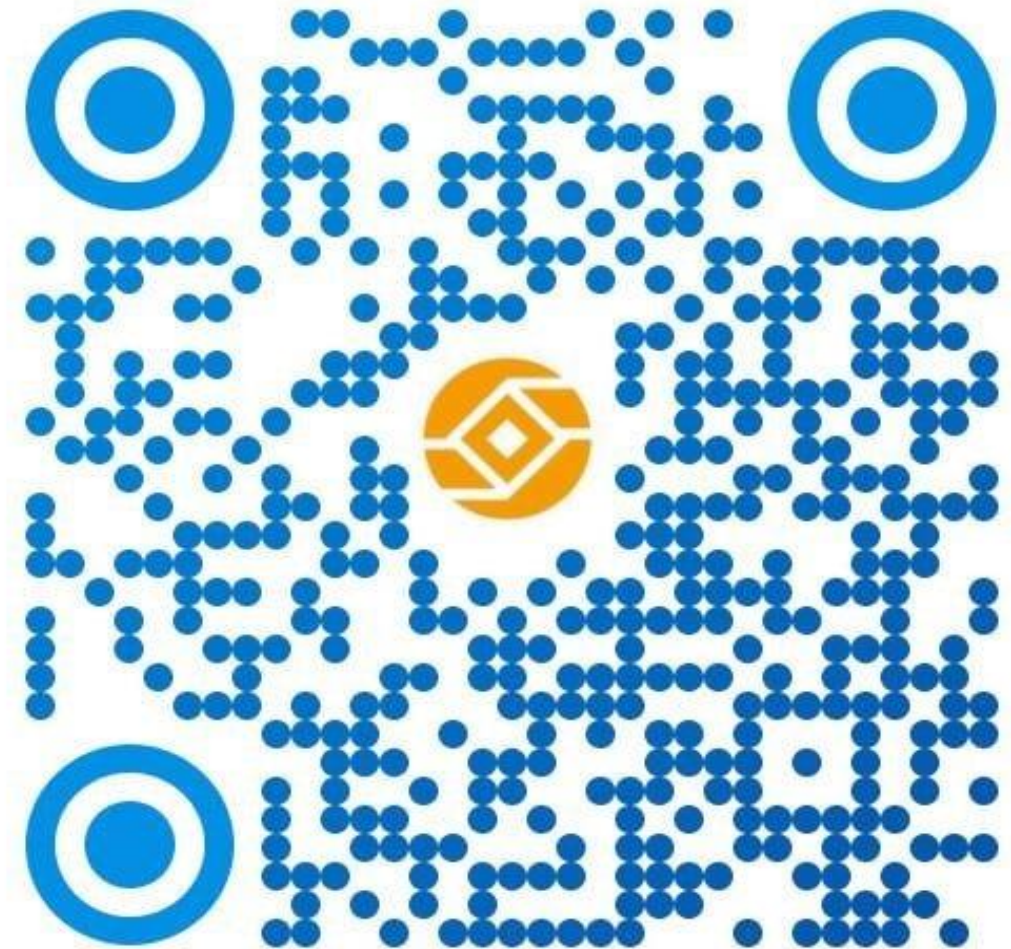
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

